

Name: _____

wǒ 我 - I - me	戈	我	我						
zài 在 - at - to exist	土	在	在						
běn 本 - origin - source - this	木	本	本						
dì 地 - earth; soil	土	地	地						
de 的 - of	白	的	的						
zhōng 中 - within - among - in		中	中						
wén 文 - language - culture - writing	文	文	文						
xué 学 - learn - study - science	子	学	学						
xiào 校 - school - proofread - to check	木	校	校						
xué 学 - learn - study - science	子	学	学						
zhōng 中 - within - among - in		中	中						

文 文

Page 2 of 2
January 04, 2011